

Châu Thành, ngày 13 tháng 07 năm 2021

Số: 40/TB-CCTHADS

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2, Điều 101 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được bổ sung sửa đổi năm 2014);

Căn cứ Bản án, Quyết định số 03/2016/QĐ- KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2016 của TAND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 525+526/QĐ-CCTHA ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 17/QĐ-CCTHA ngày 21 tháng 03 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;

Căn cứ Thông báo hủy kết quả đấu giá số 143/TB-VN ngày 28/6/2021 của Công ty đấu giá hợp danh Vina

Xét thấy các đương sự không thỏa thuận được tổ chức bán đấu giá và đề nghị Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành lựa chọn tổ chức bán đấu giá.

Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thông báo lựa chọn tổ chức định giá tài sản như sau:

1/ Tên, địa chỉ của tổ chức có tài sản định giá: Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: số 25 đường Công Nông, khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện: ông Võ Hoàng Thảo - Chấp hành viên

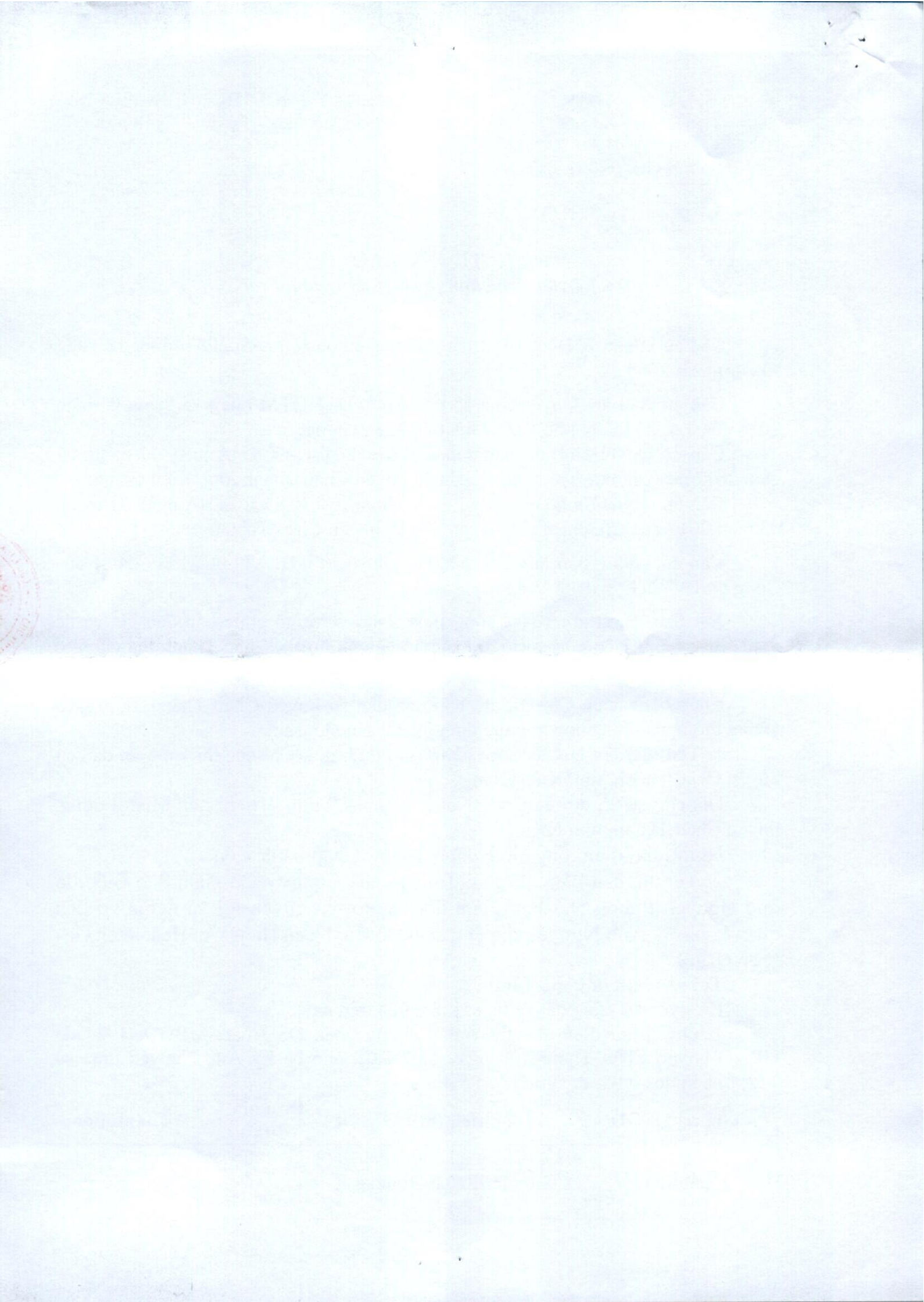
2/ Tên tài sản bán đấu giá: Tài sản của Công ty Cổ phần Sao Biển do ông Nguyễn Phong Hải làm giám đốc, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lý Ánh Nguyệt, địa chỉ: số 02 lô G5, Phạm Hùng, An Hòa, Rạch Giá, Kiên Giang

Tài sản bán đấu giá gồm:

I. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất:

1. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 841924 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 18/7/2012 cho bà Lý Ánh Nguyệt; thửa số 112; tờ bản đồ số 03; diện tích 6.195,4m²

St t	Giá trị QSDĐ	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền
1	Đất SKC	602,4 (Thâm hậu 30m đầu)	2.35 .00	
		1823,6 (Thâm hậu 30m kế tiếp)	1.176.000	



2	Đất CLN	2969,4	1.74 . 00
3	Đất TSN	800	1.744.600

2. Giá trị công trình xây dựng trên đất:

St t	Hạng mục công trình	DT/ KL (m ² /m ³)	CLCL (%)	Đơn giá (đ/m ² -m ³)	Thành tiền
01	Nhà ăn (trệt)	2 2	70%	3.000.000	
02	Nhà ăn (trệt + lầu)	214,8	70%	4 078.087	
03	Mái che	357	85	6 6. 95	
04	Mái che (diện tích nằm trên đất cá nhân)	65,8	85%	646.195	
05	San lấp	9168,3	-	200.000	
06	Nhà xưởng 03 + 04	2472,8	70%	5.000.000	
07	Nhà xưởng (diện tích nằm trên đất cá nhân)	64,1	70%	5.000.000	
08	Tường rào	1098, 6	65%	1.123.441	
09	Phòng Máy	378	70%	3.500.000	
10	Kho vật tư	200	70%	3.000.000	
11	Kho bao bì	120	70%	3.000.000	
12	Nhà bảo vệ	12	70%	3.000.000	
13	Đường đi nội bộ	1585,4	65%	400.000	
14	Nhà nghỉ công nhân	752,2	70%	3.000.000	
15	Khu xử lý nước thải	200m ³ /ngày	70	10.000.000	
16	Nhà để dụng cụ sản xuất	100	70%	2.500.000	
17	Xưởng sản xuất hàng khô	800	70%	4.000.000	
18	Nhà tiếp nhận nguyên liệu	280	70%	3.500.000	
19	Hệ thống xử lý nước s ch dùng để sản xuất.	300m ³ /ngày	70%	3.500.0	

Phần nhà xưởng : diện tích 2.536,9m², đã được cấp phép 2.260m², còn lại chưa có giấy phép xây dựng; trong đó, diện tích xây dựng 64,1m², diện tích sàn 300,252m² được xây dựng trên đất không kê biên theo giấy chứng nhận số BA 486557, tiếp tục sử dụng theo hiện trạng thực tế, không được thay đổi kết cấu hạ tầng làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất gắn liền;

Phần mái che : trong đó, diện tích xây dựng 65,8m², diện tích sàn 300,252m² được xây dựng trên đất không kê biên theo giấy chứng nhận số BA 486557, tiếp tục sử dụng theo hiện trạng thực tế, không được thay đổi kết cấu hạ tầng làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất gắn liền;

3. Cây trồng trên đất:

St t	Tên cây trồng	Số lượng	Loại	Đơn giá (đ/cây)	Thành tiền
1	Cau kiêng	14	A	3.000.000	

II. Dụng cụ và dây truyền sản xuất:

1. Công cụ dụng cụ sản xuất chế biến thủy sản:

St t	Tên tài sản thẩm định	Số lượng	CLCL (%)	Đơn giá	Thành tiền
01	Khuôn nhôm	1380	75%	150.000	
02	Khuôn nhôm	3000	75%	120.000	
03	Khuôn Inox	300	75%	200.000	
04	Khuôn Inox	280	75%	180.000	
05	Nắp đậy nhôm	1000	75%	90.000	
06	Mân Inox	84	70%	2.500.000	
07	Thùng cách nhiệt	30	65%	10.000.000	
08	Bồn chứa nguyên liệu	05	70%	4.000.000	
09	Bàn chế biến	30	70%	6.000.000	
10	Máy hút chân không	01	75%	270.000.000	
11	Máy đóng đai	04	80%	18.000.000	
12	Máy dò kim loại	01	80%	300.000.000	
13	Máy cưa thủy sản	01	80%	290.000.000	
14	Cân điện tử 6kg	30	65%	3.600.000	
15	Cân bàn điện tử 15kg	03	65%	6.200.000	
16	Xe nâng 1.5T	01	65%	190.000.000	
17	Bộ kệ thép kho lạnh	01	75%	2.000.000.000	

2. Thiết bị máy móc thuộc dây chuyền sản xuất thủy sản:

St t	Tên tài sản	Số lượng	CLCL (%)	Đơn giá	Thành Tiền
01	Hệ thống lạnh liên hoàn	01	70%	7.600.000.000	

02	Băng chuyền IQF + tái đông 500Kg/h	01	70%	4.200.000.000	
03	Tủ cấp đông tiếp xúc 1300Kg/mẻ	04	70%	1.100.000.000	
04	Tủ đông gió 1000Kg/h	02	75%	1.200.000.000	
05	Kho trữ đông 1000T	01	70%	2.400.000.000	
06	Cối đá vảy 15T/24h	02	70%	620.000.000	
07	Hệ thống làm lạnh nước sản xuất	01	70%	700.000.000	
08	Máy phát điện 500KVA	01	70%	1.100.000.000	
09	Trạm biến thế và hệ thống điện đồng bộ	01	70%	1.200.000.000	
10	Chuyên surimi 50T	01	75%	6.800.000.000	
11	Kho lạnh trữ nguyên liệu 100T 18-30°C	01	70%	600.000.000	
12	Kho lạnh trữ hàng khô 100T 18-30°C	01	70%	600.000.000	

III. Nhà văn phòng làm việc:

Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Diện tích
- Vị trí: Tọa lạc tại Ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.		
Nhà làm việc (Công ty Cổ phần Sao Biển).	<ul style="list-style-type: none"> - Năm xây dựng: 2013. - Diện tích xây dựng: 245,721m². - Tổng diện tích sàn: 501,139m². - Quy mô: Nhà cấp 03. - Số tầng: 02 tầng (01 trệt + 01 lầu). -Kết cấu: Móng, cột, đà kiềng, cầu thang, dầm, sàn BTCT, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch ống dày 10cm + sơn nước, cửa đi nhôm kính, cửa sổ nhôm kính, trần Prima khung xương, cầu thang lát đá mài, đèn tay thép, mái lợp ngói. - Hệ thống điện nước hoàn thiện. * Hiện trạng: không có giấy phép xây dựng (trong đó, diện tích xây dựng 147,104m², diện tích sàn 300,252m² được xây dựng trên đất không kê biên theo giấy chứng nhận số BA 486557, tiếp tục sử dụng theo hiện trạng thực tế, không được thay đổi kết cấu hạ tầng làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất gắn liền) Công trình xây dựng có dấu hiệu xuống cấp, đang được sử dụng. 	501,139m ²

*** Giá trị đưa ra tiếp tục bán đấu giá là:**

- | | |
|---|--------------------|
| 1. QSD đất: | 2.817.899.316 đồng |
| 2. Công trình xây dựng trên đất | 6.672.784.277 đồng |
| 3. Cây trồng trên đất | 11.665.774 đồng |
| 4. Máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ sản xuất | 7.561.487.000 đồng |

Tổng giá tiền để tiếp tục bán đấu giá là : 17.063.836.367 đồng (Mười bảy tỷ không trăm sáu mươi ba triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng).

3/ Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá: Các tổ chức bán đấu giá tài sản phải được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, có trụ sở chính hoặc chi nhánh tại địa bàn tỉnh Kiên Giang

4/ Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

Các tổ chức có nhu cầu đề nghị nộp hồ sơ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ: số 25 đường Công Nông, khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian: Từ 09 giờ 00 ngày 14 tháng 07 năm 2021 đến 17 giờ 00 ngày 24 tháng 7 năm 2021.

Đề đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng được thuận lợi: Các tổ chức lập 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký gửi về Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang hoặc liên hệ trực tiếp ông Võ Hoàng Thảo - Chấp hành viên (số điện thoại: 0913.890.752).

Nếu hết thời hạn nêu trên không có tổ chức nào nộp hồ sơ thì Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang sẽ lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VP (để đăng tải CTTĐT)
- Lưu VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Võ Hoàng Thảo